

**CÔNG TY CỔ PHẦN ACADEMY OF FINANCE FREEDOM COACHING**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ACADEMY OF FINANCE FREEDOM COACHING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ACADEMY OF FINANCE FREEDOM COACHING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ACADEMY OF FINANCE FREEDOM COACHING ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109692366

**3. Ngày thành lập:** 02/07/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 5 ngõ 162 /130 Khương Trung, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0344089802

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                               | 7911        |
| 2.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                        | 7912        |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển                                                        | 5229        |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                             | 4932        |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                        | 5610        |
| 6.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                      | 5630        |
| 7.  | In ấn<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                             | 1811        |
| 8.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                     | 1812        |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                      | 4663        |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                               | 4933        |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                          | 4931        |
| 12. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4772        |
| 13. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh             | 4649        |
| 14. | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                                                | 9101        |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                        | 7320        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                    | 7310        |
| 17. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                    | 8230        |
| 18. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                      | 8560(Chính) |
| 19. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Đào tạo tự vệ;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính. | 8559        |
| 20. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                            | 8512        |
| 21. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                          | 7990        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.980.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

## 7. Số cổ phần được quyền chào bán:

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                  | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN VĂN<br>HẢO   | Tổ 1, Phường Đại<br>Kim, Quận Hoàng<br>Mai, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 66.000        | 660.000.000              | 33,333       | C8495758                                                                                                               |            |
|     |                   |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     | Tổng số                            | 66.000        | 660.000.000              | 33,333       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHAN QUỐC<br>VIỆT | 408 -D1 – TT<br>Thành Công,<br>Phường Thành<br>Công, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 66.000        | 660.000.000              | 33,334       | 0400540000<br>20                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     | Tổng số                            | 66.000        | 660.000.000              | 33,334       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                         |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NINH THẾ HOÀNG | TDP số 2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 66.000 | 660.000.000 | 33,333 | 036077000299 |
|   |                |                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                         | Tổng số                   | 66.000 | 660.000.000 | 33,333 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **TRẦN VĂN HẢO**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *02/09/1977*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *C8495758*

Ngày cấp: *08/11/2019*

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Tổ 1, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 1, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội